***Thứ hai ngày 21 tháng 12 năm 2020***

**TẬP ĐỌC - KỂ CHUYỆN: ĐÔI BẠN**

**I. Mục tiêu:**

**A. Tập đọc:**

- Đọc đúng bài tập đọc

- Bước đầu biết đọc phân biệt lời người dẫn chuyện với lời các nhân vật.

- Hiểu ý nghĩa: Câu chuyện ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của những người dân làng quê sẵn sàng giúp đỡ người khác và lòng thủy chung của người thành phố với những người sẵn sàng giúp đỡ mình lúc khó khăn, gian khổ. Trả lời được các câu hỏi 1, 2, 3, 4.

- Giáo dục học sinh biết giúp đỡ mọi người xung quanh

## B. Kể chuyện

- Dựa vào gợi ý kể lại từng đoạn của câu chuyện. HS khá giỏi kể lại toàn bộ câu chuyện

- Biết theo dõi và nhận xét lời kể của bạn

# II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh hoạ bài tập đọc ( phóng to )

- Bảng phụ ghi sẵn nội dung cần hướng dẫn luyện đọc.

- Sách gk, sách chữ nổi, bảng braille.

# III. Các hoạt động dạy học:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Kiểm tra bài cũ**- Yêu cầu 2 HS đọc và trả lời câu hỏi về nội dung bài tập đọc: “Nhà rông ở Tây Nguyên”- Nhận xét , tuyên dương học sinh**B. Dạy học bài mới****1. Giới thiệu chủ điểm và bài mới****2. Luyện đọc****a. Đọc mẫu, kết hợp ngôn ngữ kí hiệu cho hs khiếm thính hiểu.**- GV đọc mẫu toàn bài một lượt, chú ý:+ Giọng dẫn chuyện: thong thả, rõ ràng.+ Giọng chú bé: Kêu cứu thất thanh+ Giọng bố Thành: trầm lắng, xúc động.b. H dẫn luyện đọc, giải nghĩa từ, kí hiệu cho hs hiểu.- Đọc từng câu .- GV ghi từ khó-HD đọc- Đọc từng đoạn.- Yêu cầu 3 học sinh tiếp nối nhau đọc từng đoạn trong bài, sau đó theo dõi học sinh đọc bài và chỉnh sửa lỗi ngắt giọng cho học sinh.- HS tìm hiểu nghĩa các từ mới trong bài.- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm- Tổ chức thi đọc giữa các nhóm**3. Hướng dẫn tìm hiểu bài**- GV gọi HS đọc lại cả bài trước lớp.- Yêu cầu HS đọc lại đoạn 1 và hỏi: Thành và Mến kết bạn với nhau vào dịp nào ?- Mến thấy thị xã có gì lạ ?- Mến đã có hành động gì đáng khen ? - Em hiểu thế nào về câu nói của người bố ?**\* GV:** Câu chuyện cho ta thấy phẩm chất tốt đẹp của những người làng quê, họ sẵn sàng chia sẻ khó khăn với người khác, sẵn sàng cứu người và lòng thuỷ chung của người thành phố đối với những người đã giúp đỡ mình.**4. Luyện đọc lại bài**- Giáo viên chọn đọc mẫu một đoạn trong bài, sau đó yêu cầu học sinh chọn đọc lại một đoạn trong bài.\* Nhận xét học sinhKỂ CHUYỆN**1. Xác định yêu cầu**- Gọi 1 học sinh đọc yêu cầu 1 của phần kể chuyện trang 132 SGK**2. Kể mẫu**- Gọi học sinh kể mẫu doạn 1- Nhận xét phần kể chuyện của học sinh**3. Kể trong nhóm**- Yêu cầu HS chọn 1 đoạn truyện và kể cho bạn bên cạnh nghe.**4. Kể trước lớp**- Gọi HS tiếp nối nhau kể lại câu chuyện. Sau đó, gọi 1 HS kể lại toàn bộ câu chuyện.-Nhận xét học sinh**C. Củng cố - dặn dò**- Nhận xét tiết học, dặn dò chuẩn bị bài sau. | - 2 em lên bảng thực hiện yêu cầu- Đọc tên chủ điểm và nghe giáo viên giới thiệu bài.- Theo dõi giáo viên đọc mẫu- HS đọc tiếp nối từng câu lần 1- HS đọc- HS đọc tiếp nối từng câu lần 2- Đọc từng đoạn trong bài theo hướng dẫn của giáo viên lần 1- Đọc từng đoạn trước lớp. Chú ý ngắt giọng đúng ở các dấu chấm, phẩy và khi đọc các câu khó+ Người làng quê như thế đấy,/ con ạ.// Lúc đất nước có chiến tranh, / họ sẵn lòng sẻ nhà / sẻ cửa.// Cứu người,/ họ không hề ngần ngại.//- Đọc đoạn lần 2- HS đọc chú giải để hiểu nghĩa các từ mới. - HS luyện đọc trong nhóm.- 2 nhóm thi đọc tiếp nối- 1 HS đọc, lớp cùng theo dõi.- Thành và Mến kết bạn với nhau từ ngày nhỏ, khi giặc Mĩ ném bom miền Bắc, gia đình Thành phải rời thành phố sơ tán về quê Mến ở nông thôn.- Mến thấy cái gì ở thị xã cũng lạ, thị xã có nhiều phố, phố nào nhà ngói cũng san sát, cái cao, cái thấp chẳng giống những ngôi nhà ở quê Mến, những dòng xe cộ đi lại nườm nượp, ban đêm đèn điện sáng như sao sa.- Khi chơi ở công viên khi nghe tiếng kêu cứu, Mến lập tức lao xuống hồ cứu một em bé đang vùng vẫy tuyệt vọng.- Câu nói của người bố khẳng định phẩm chất tốt đẹp của người làng quê, họ sẵn sàng giúp đỡ chia sẻ khó khăn gian khổ với người khác, khi cứu người họ không hề ngần ngại.- Tự luyện đọc sau đó 3 - 4 học sinh đọc đoạn 1 trước lớp, cả lớp theo dõi và nhận xét- 1 học sinh đọc yêu cầu, 1 học sinh khác đọc lại gợi ý.- 1 học sinh kể, cả lớp theo dõi và nhận xét.- Kể chuyện theo cặp- học sinh kể, cả lớp theo dõi và nhận xét. |

**Toán: LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. Mục tiêu:**

 - Biết làm tính và giải bài toán có hai phép tính

 - Làm bài 1,2,3.

 - Giáo dục học sinh tính cẩn thận.

**II. Đồ dùng dạy học:** Bảng con, bảng phụ,vở, SGK, sách chữ nổi, bảng braille.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS**  |
| **1. KTB cũ** **-**Đặt tính và tính312 x 2; 496 : 4-Nhận xét và tuyên dương.**2. Dạy bài mới**:**a. GT bài**:GT và ghi bảng “Luyện tập chung”**b. HD luyện tập:****Bài1:** +Điền số: **(Nhóm 2).**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TS | 324 | 3 | 150 | 4 |
| TS | 3 |  | 4 |  |
| T |  | 972 |  | 600 |

-Chỗ trống có tên gọi là gì ?-HS nhắc lại cách tính.**Bài 2: Bảng con****-**Đặt tính rồi tính:a)884 : 6; 845 : 7; 630 : 9; 842 : 4**-**Nhận xét.**Bài 3: Vở** 36 máy bơmCó . . . . . . . . . .Bán:. .  ? máy bơm**-**Gv nhận xét một số vở**3- Củng cố - Dặn dò**.- Nhận xét tiết học.- Về ôn các bài đã học và xem bài sau “Làm quen với biểu thức”. |  - Học sinh lên bảng làm - Cả lớp làm vào bảng con. hs đọc đề bài.-1HS nêu yêu cầu của bài. Các nhóm thảo luận- Trình bày.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TS | 324 | 3 | 150 | 4 |
| TS | 3 | 324 | 4 | 150 |
| T | 972 | 972 | 600 | 600 |

- 1em đọc yêu cầu.- hs lên bảng,lớp làm bảng con.\*Đáp án: a) 114; b) 120 (dư5) c) 70 ; d) 210 (dư2)-1em đọc yêu cầu.-1em làm bảng,lớp làm vở.Số máy bơm đã bán là.36 : 9 = 4 (máy bơm)Số máy bơm còn lại là36 – 4 = 32 (máy bơm)ĐS:32 máy bơm-HS chú ý lắng nghe. |

***Thứ ba ngày 22 tháng 12 năm 2020***

**TOÁN: LÀM QUEN VỚI BIỂU THỨC**

**I. Mục tiêu:**

- Làm quen với biểu thức và giá trị của biểu thức.

- Tính giá trị của các biểu thức đơn giản.

- Cẩn thận khi làm bài.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Bảng phụ bài 2/78 để tổ chức trò chơi

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Kiểm tra bài cũ**- Đọc bảng nhân từ 2 -> 9 - Nhận xét và tuyên dương.B. Dạy học bài mới**1. Giới thiệu bài kết hợp ngôn ngữ kí hiệu****2. Giới thiệu về biểu thức**- Viết lên bảng 126 + 51 và yêu cầu học sinh đọc:**\* Giới thiệu:** 126 cộng 51 được gọi là biểu thức. Biểu thức 126 cộng 51.- Viết tiếp lên bảng 62 - 11 và giới thiệu: 62 trừ 11 được gọi là biểu thức, biểu thức 62 trừ 11.- Làm tương tự với các biểu thức còn lại.**\* Kết luận:** Biểu thức là một dãy của số, dấu phép tính viết xen kẽ với nhau.**3. Giới thiệu về giá trị biểu thức.**- Yêu cầu học sinh tính 126 + 51**\* Giới thiệu:** Vì 126 + 51 = 177 nên 177 được gọi là giá trị của biểu thức 126 + 51.- Giá trị của biểu thức 126 cộng 51 là bao nhiêu ?- Yêu cầu học sinh tính 125 + 10 - 4**\* Giới thiệu:** 131 được gọi là giá trị của biểu thức 125 + 10 - 4**4. Luyện tập - thực hành****Bài 1: Làm vào vở**- Gọi học sinh nêu yêu cầu bài- Viết lên bảng 284 + 10 và yêu cầu đọc biểu thức, sau đó tính 284 + 10.- Vậy gía trị của biểu thức 284 + 10 là bao nhiêu ?- Hướng dẫn HS trình bày giống mẫu, sau đó yêu cầu các em làm bài.\* Chữa bài học sinhBài 2: Tổ chức trò chơi- Chia hai đội A, B tìm giá trị của biểu thức, sau đó tìm số chỉ giá trị của biểu thức đó và nối với biểu thức.**\* Giáo viên nhận xét:** 52 + 23 = 75 vậy giá trị của biểu thức 52 + 23 là 75 nối biểu thức 52 +23 với số 75.- Chữa bài - tuyên dương và cho học sinh làm bằng bút chì vào SGK.**C. Củng cố - dặn dò:**- Nhận xét tiết học- Bài sau:Tính giá trị của biểu thức ( TT ) | - 2 Hs làm bài trên bảng- Nghe giới thiệu- Hs đọc: 126 cộng 51- HS: Biểu thức 126 cộng với 51.- HSnhắc lại: Biểu thức 62 trừ 11.126 + 51 = 177- Giá trị của biểu thức 126 cộng 51 là 177.- 125 + 10 - 4 = 131- Tìm giá trị của biểu thức sau- Biểu thức 284 cộng 10, 284 + 10 = 294- Giá trị của biểu thức 284 + 10 = 294- HS lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở bài tập.- HS tự làm bài, sau đó 2 HS ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau.- Lắng nghe |

**Toán : LUYỆN TẬP**

**I.Mục tiêu:**Giúp HS củng cố về :

-Cách tính giá trị của biểu thức chỉ có các phép tính cộng trừ hoặc chỉ có các phép tính nhân chia

-Áp dụng các tính giá trị của biểu thức để giải toán có liên quan

**II. Đồ dùng dạy học:**

**-**HS : vở bài tập toán, giấy bảng viết chữ nổi.

 **III.Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
|  Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1.Giới thiệu bài****2.Hướng dẫn HS làm bài tập kết hợp ngôn ngữ kí hiệu.****\*Bài 1****-**Gọi 1 HS nêu yêu cầu-Gọi HS nhắc lại cách thực hiện biểu thức có các phép tính cộng trừ và tự làm bài-Trình bày 241 -41 + 29 = 200 + 29 = 229Gv hướng dẫn lại trực tiếp cho 3 em hs khiếm thị đặt tính trên bảng braille. -Chữa bài, nhận xét**\*Bài 2****-**Gọi 1 HS đọc đề-Hỏi để HS nêu lại cách thực hiện biểu thức có các phép tính nhân chia và tự làm bài-Trình bày:  160 : 4 x 3 = 40 x 3 = 120 -Chữa bài, nhận xét**\*Bài 3:**+Bài yêu cầu ta làm gì ?-Viết : 44 : 4 x 5 … 52 và hỏi :+Làm thế nào để so sánh được 44 : 4 x 5 với 52 ?-Yêu cầu HS tính giá trị của biểu thức 44 : 4 x 5-So sánh 55 với 52-Vậy giá trị biểu thức 44 : 4 x 5 như thế nào so với 52 ?-Em điền dấu gì vào chỗ chấm ?-Yêu cầu HS làm các phần còn lại-Chữa bài, nhận xét**\*Bài4:**-Gọi 1 HS đọc yêu cầu-Hướng dẫn HS thực hiện theo hai bước -Bước 1: Tìm 3 gói mì cân nặng (80 x 3 = 240)-Bước 2: tìm 3 gói mì và 1 quả trứng cân nặng (240 + 50 = 290 )-Yêu cầu HS tự làm bài**3.Củng cố, dặn dò**-Nhận xét tiết học | -Nghe-Nêu yêu cầu-Nhắc lại cách thực hiện , 2 HS làm bài trên bảng, lớp làm bài vào vở bài tập-HS đổi chéo vở, kiểm tra-Nhận xét-Đọc đề-Nêu cách thực hiện-2 HS lên bảng làm bài, lớp làm bài vào vở bài tập-Nhận xét bài làm của bạn-Yêu cầu điền dấu thích hợp…-Phải tính giá trị của biểu thức… sau đó so sánh giá trị của biểu thức này với 52- 55 > 52-Lớn hơn-Điền dấu lớn hơn-2 HS làm bài trên bảng, lớp làm bài vào vở bài tập-Nhận xét-Đọc đề, lớp theo dõi-Suy nghĩ, tìm ra 2 bước giải -1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập-Nhận xét- Lắng nghe |

**CHÍNH TẢ: ( N- V ) ĐÔI BẠN**

**I. Mục tiêu:**

- Nghe viết chính xác đoạn từ: “Về nhà..........không hề ngần ngại” trong bài: Đôi bạn

- Làm đúng các bài tập chính tả: Phân biệt chữ ch / tr hoặc thanh hỏi / thanh ngã.

- Trình bày đúng bài chính tả, cẩn thận, sạch sẽ.

## II. Đồ dùng dạy học:

## - Bài tập 2a chép sẵn trên bảng lớp, bảng bút giấy viết chữ nổi.

# III. Các hoạt động dạy học:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Kiểm tra bài cũ:**- Gọi HS lên bảng : Khung cửi, mát rượi.- Nhận xét, tuyên dương.**B. Dạy học bài mới:****1. Giới thiệu bài kết hợp ngôn ngữ kí hiệu cho hs khiếm thính hiểu.****2. Hướng dẫn viết chính tả:****a. Trao đổi về nội dung bài viết**- Giáo viên đọc đoạn văn 1 lượt**\* Hỏi:** Khi biết chuyện, bố Mến nói như thế nào ?**b. Hướng dẫn cách trình bày**- Đoạn văn có mấy câu ?- Trong đoạn văn những chữ nào phải viết hoa ?- Lời nói của người bố được viết như thế nào ?**c. Hướng dẫn viết từ khó**- Yêu cầu học sinh tìm các từ khó dễ lẫn khi viết chính tả- Yêu cầu HS đọc các từ vừa tìm được.**d. Viết chính tả****e. Soát lỗi****g. Chấm bài****3. Hướng dẫn HS làm bài tập chính tả.****Bài tập2b:** Em chọn từ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống:-(bão, bảo):Mọi người …nhau dọn dẹp đường làng sau cơn…-(vẽ, vẻ):Em..mấy bạn…mặt tươi vui đang trò chuyện.-(sữa, sửa):Mẹ em cho em bé uống… rồi…. soạn đi làm.- Trò chơi “Ai đúng ai nhanh”-Nhận xét,tuyên dương**C. Củng cố - dặn dò**- Nhận xét tiết học. -Bài sau: Nhớ - viết: Về quê ngoại | - 2 HS viết bảng lớp. HS dưới lớp viết BC: -HS lắng nghe- Theo dõi sau đó 2 HS đọc lại- Bố Mến nói về phẩm chất tốt đẹp của những người sống ở làng quê luôn sẵn sàng giúp đỡ người khác khi có khó khăn, không ngần ngại khi cứu người.- Đoạn văn có 6 câu- Những chữ đầu câu: Thành, Mến- Viết sau dấu hai chấm, xuống dòng, gạch đầu dòng - sẵn lòng, sẻ nhà sẻ cửa, ngần ngại,.....- 2 HS lên bảng viết, HS dưới lớp viết vào vở nháp.- 1 em lên bảng viết .Lớp viết vào vở- Dò lại bài .- Đổi vở kiểm tra-1em đọc yêu cầu.-Chia hai đội,mỗi đội 2em lên chơi.\*Mọi người bảo nhau dọn dẹp đường làng sau cơn bão.\*Em vẽ mấy bạn vẻ mặt tươi vui đang trò chuyện\*Mẹ em cho em bé uống sữa rồi sửa soạn đi làm-Nhận xét.  |

**Tập đọc: VỀ QUÊ NGOẠI**

**I. Mục tiêu:**

 - Biết ngắt nghỉ hợp li khi đọc thơ lục bát.

 - hiểu :-Hiểu nội dung bài: Bạn nhỏ về thăm que ngoại,thấy yêu thêm cảnh đẹp ở quê , yêu thêm những ngưòi nông dân đã làm ra lúa gạo. Trả lời được các câu hỏi trong SGK. Thuộc 10 dòng thơ đầu.

- Giáo dục học sinh tình cảm yêu quý phong cảnh và con người nông thôn.

**II.Đồ dùng dạy học:** Bảng phụ- Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, sách chữ nổi.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của GV**  | **Hoạt động của HS** |
| **1. KTBcũ:**Gọi HS kể chuyện “Đôi bạn”-Nhận xét .**2. Dạy bài mới:****a. GTbài, kết hợp ngôn ngữ kí hiệu:** GT và ghi bảng đề bài.**b. Luyện đọc:**-GV đọc mẫu bài thơ:-Đọc từng câu ( 2 dòng thơ): - Luyện đọc từ khó.-Đọc từng khổ thơ trước lớp.  Khổ 1 chia 2 đoạn ( đoạn 1: 6 dòng đầu, đoạn 2: 4 dòng còn lại).- Đọc từng khổ thơ trong nhóm.**c. Hướng dẫn tìm hiểu bài:**+Bạn nhỏ ở đâu về thăm quê ? Dòng nào cho em biết điều đó ? **Hoạt động nhóm (N2)**+ Quê ngoại bạn ở đâu ? **(N2)**+ Bạn nhỏ thấy ở quê có những gì lạ ?+Bạn nhỏ nghĩ gì về những người làm ra hạt gạo ?*\*Từ đó liên hệ và khơi lại ý về BVMT. Môi trường thiên nhiên và cảnh vật ở nông thôn thật đẹp và đáng yêu.*+Chuyến về thăm quê ngoại đã làm bạn nhỏ có gì thay đổi ?**d. Học thuộc lòng bài thơ.**- Đọc lại bài thơ- HDHS học thuộc lòng bài thơ . **3. Củng cố, dặn dò:**-Nhận xét tiết học.-Bài sau : Ba điều ước | HS tiếp nối nhau kể lại câu chuyện “ Đôi bạn”.-3em đọc đề bài.-HS đọc nối tiếp câu (lần1)- HS luyện đọc từ khó.- HS đọc nối tiếp câu lần 2-Tiếp nối nhau đọc từng khổ thơ -Học sinh đọc nhóm đôi.-Đọc thầm khổ thơ1.1em đọc yêu cầu.\*Ở thành phố-1em đọc yêu cầu.\*Ở nông thôn -1em đọc yêu cầu.-Các nhóm thảo luận- Trình bày -Đọc khổ thơ 2.-1em đọc yêu cầu.Các nhóm thảo luận- Trình bày.-1em đọc yêu cầu.\*Bạn yêu thêm cuộc sống, yêu thêm con người sau chuyến về thăm quê. -HS luyện đọc thuộc bài-Luyện đọc theo tổ- cả lớp.-HS chú ý lắng nghe. |

***Thứ tư ngày 23 tháng 12 năm 2020***

**Toán: TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC**

**I. Mục tiêu**:

 - Biết tính nhẩm giá trị của biểu thức dạng chỉ có phép tính cộng, trừ hoặc tính nhân, chia.

 - Biết áp dụng được việc tính giá trị của biểu thức vào dạng bài tập điền dấu “<”; “>”; “ = ”.Làm bài 1,2,3,bài 4 thực hiện vào tiết tăng cường.

 - Giáo dục học sinh tính cẩn thận.

 **II. Đồ dùng dạy học:** Bảng phụ,bảng con, vở, bảng braille..

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV**  | **Hoạt động của HS** |
| **1. KTB cũ:** Tính: 54 + 16 ;170 – 65- Viết giá trị của biểu thức**2.Dạy bài mới:****a.GTbài:** GT và ghi bảng “Tính giá trị của biểu thức”**b.Hướng dẫn bài:**\*GV nêu 2 quy tắc tính giá trị của biểu thức chỉ có phép tính cộng, trừ hoặc nhân, chia.1. GV nêu biểu thức: 60 + 20 - 5. +Đối với các biểu thức chỉ có các phép tính cộng, trừ người ta quy ước thực hiện như thế nào ?  2. Giáo viên nêu: 49 : 7 x 5 -Nhận xét dấu phép tính.-Cho học sinh nêu cách làm.-Đối với các biểu thức chỉ có các PTnhân,chia ta làm như thế nào? -Giáo viên ghi bảng.**c. Thực hành:*****Bài1:*** Tính giá trị của biểu thức:a)205 + 60 + 3; b)462 – 40 + 7 268 – 68 + 17; 387 – 7 - 80-Nhận xét.***Bài2:***Tính giá trị của biểu thức Vở.a) 15 x 3 x 2 b) 8 x 5 : 2 48 : 2 : 6 81 : 9 x 7- Nhận xét.***Bài 3:*** Trò chơi “Ai nhanh hơn”Điền dấu >;<;= vào chỗ thích hợp55 : 5 x 3…. 32; 47 … 84 – 34 – 3 20 + 5 …. 40 : 2 + 6-Nhận xét –tuyên dương..**3. Củng cố - Dặn dò:** *-*Nhận xét tiết học*.* Bài sau: Tính giá trị của biểu thức (tt)  | -2 HS lên bảng, cả lớp làm bảng con.* Hs đọc đề bài.

-HS chú ý.-HS làm trên bảng,lớp bảng con.- …Từ trái sang phải.-Vài HS nêu lại cách làm.-HS nêu lại quy tắc: Nếu trong… …từ trái sang phải.-Học sinh nhắc lại Cho HS lên bảng làm cả lớp làm bảng con.-HS nêu lại quy tắc: Nếu trong . .. ..ta thực hiện từ trái sang phải.-HS nhắc lại.-1em đọc yêu cầu.-4em làm bảng, lớp bảng con.\*205+60+3= 462-40+7= 265+3=268 422+7=429-1em đọc yêu cầu.-2em làm bảng, lớp làm vở.-Hai đội, mỗi đội 1em lên chơi.-Nhận xét . -Chú ý lắng nghe. |

**TẬP ĐỌC : BA ĐIỀU ƯỚC**

**I. Mục tiêu:**

- Đọc đúng bài tập đọc, ngắt nghỉ hơi sau các dấu câu và giữa các cụm từ

- Hiểu ý nghĩa: Câu chuyện khuyên chúng ta phải biết cuộc sống có ích, không mơ tưởng viển vông. Trả lời được các câu hỏi 1, 2, 3, 4.

# II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh hoạ bài tập đọc ( phóng to )

# III. Các hoạt động dạy học:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Kiểm tra bài cũ**- Yêu cầu 2 HS đọc và trả lời câu hỏi về nội dung bài tập đọc: “Về quê ngoại”- Nhận xét , tuyên dương học sinh**B. Dạy học bài mới****1. Giới thiệu bài kết hợp ngôn ngữu kí hiệu****2. Luyện đọc****a. Đọc mẫu:**- GV đọc mẫu toàn bài một lượt, chú ý:+ Giọng thong thả, rõ ràng, nhẹ nhàng, nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả, gợi cảm.b. H dẫn luyện đọc, giải nghĩa từ- Đọc từng câu .- GV ghi từ khó-HD đọc- Đọc từng đoạn.- Yêu cầu 5 học sinh tiếp nối nhau đọc từng đoạn trong bài, sau đó theo dõi học sinh đọc bài và chỉnh sửa lỗi ngắt giọng cho học sinh.- HS tìm hiểu nghĩa các từ mới trong bài.- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm 2- Tổ chức thi đọc giữa các nhóm**3. Hướng dẫn tìm hiểu bài**- GV gọi HS đọc lại cả bài trước lớp.- Nêu ba điều ước của chàng thợ rèn- Vì sao ba điều ước không mang lại hạnh phúc cho chàng?- Cuối cùng, chàng hiểu điều gì mới đáng mơ ước?- Nếu có ba điều ước, em sẽ ước gì?**4. Luyện đọc lại bài**- Giáo viên chọn đọc mẫu một đoạn trong bài, sau đó yêu cầu học sinh chọn đọc lại một đoạn trong bài.- Nhận xét học sinh**C. Củng cố - dặn dò**- Nhận xét tiết học, dặn dò chuẩn bị bài sau. | - 2 em lên bảng thực hiện yêu cầu- Lắng nghe- Theo dõi giáo viên đọc mẫu- HS đọc tiếp nối từng câu lần 1- HS đọc- HS đọc tiếp nối từng câu lần 2- Đọc từng đoạn trong bài theo hướng dẫn của giáo viên lần 1- Đọc từng đoạn trước lớp. Chú ý ngắt giọng đúng ở các dấu chấm, phẩy và khi đọc các câu khó+ Sống giữa sự kính trọng dân làng,/Rít thấy/ sống có ích mới là điều đáng mơ ước.//- Đọc đoạn lần 2- HS đọc chú giải để hiểu nghĩa các từ mới. - HS luyện đọc trong nhóm.- 2 nhóm thi đọc tiếp nối- 1 HS đọc, lớp cùng theo dõi.- Rít ước làm vua, ước co nhiều tiền, ước được thành mây được bây khắp nơi.- Vì khi làm vua được mấy ngày a ta chán cảnh ăn không ngồi rồi, ước có nhiều tiền thì bị bọn cướp rình rập, ước được thành mây bay đi khắp nơi ngắm cảnh trên trời, dưới biển rồi anh ta cũng chán. Vì vậy mà ba điểu ước chẳng làm anh hạnh phúc.-Sống có ích mới là đáng mơ ước.- HS nêu- HS luyện đọc- Lắng nghe |

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU:**  **TỪ NGỮ VỀ THÀNH THỊ - NÔNG THÔN.**

**DẤU PHẨY**

**I. Mục tiêu:**

- Nêu được một số từ ngữ nói về chủ điểm Thành thị và nông thôn (BT1, BT2).

- Đặt được dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong đoạn văn (BT3).

- Yêu quý làng quê, quê hương mình.

# II. Đồ dùng dạy học:

- Viết sẵn đoạn văn trong bài tập 3 lên bảng phụ. Sách gk, sách chữ nổi.

# III. Các hoạt động dạy học:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Ổn định lớp****B. Dạy học bài mới:****2.1 Giới thiệu bài kết hợp ngôn ngữ kí hiệu.****2.2 Hướng dẫn làm bài tập:****Bài 1:**- Gọi học sinh đọc đề bài- Chia lớp thành 4 nhóm, phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy khổ to và 1 bút dạ(hoặc bảng nhóm).- Yêu cầu HS thảo luận và ghi tên các vùng quê, các thành phố mà nhóm tìm được.( Lưu ý hs: khi nêu tên các Tp không được nhầm với thị xã- có số dân ít hơn, diện tích nhỏ hơn; vùng quê (tên làng, xã, quận huyện)- Yêu cầu các nhóm trình bày kết quả lên bảng.- GV nhận xét, chốt lại kết quả đúng, tuyên dương- GV giới thiệu thêm 1 số TP, vùng quê cho hs biết.- Yêu cầu học sinh viết tên một số thành phố, vùng quê vào vở bài tập.**Bài 2:-**Tiến hành tương tự như bài 1- GV nhận xét, chốt lại tên một số sự vật và công việc tiêu biểu**Bài 3:**- Gọi học sinh đọc yêu cầu bài- Treo bảng phụ có chép sẵn nội dung đoạn văn, yêu cầu học sinh đọc thầm và hướng dẫn: Muốn tìm đúng các chỗ đặt dấu phẩy, các em có thể đọc đoạn văn một cách tự nhiên và để ý những chỗ ngắt giọng tự nhiên, những chỗ đó có thể đặt dấu phẩy. Khi muốn đặt dấu câu, cần đọc lại câu văn xem đặt dấu ở đó đã hợp lý chưa.- Chữa bài**C. Củng cố - dặn dò:**-Nhận xét tiết học**-** Dặn: Học sinh về nhà ôn lại các bài tập và chuẩn bị bài sau | - Lắng nghe- 1 học sinh đọc đề bài- Làm việc theo nhóm- Trình bày kết quả- HS viết vào vở BT- HS nêu yêu cầu BT- Thảo luận nhóm đôi- Học sinh kể- 1 học sinh đọc trước lớp- 1 học sinh lên làm bài trên bảng lớp. Cả lớp làm bài vào vở.* Đáp án

Nhân dân ta luôn ghi sâu lời dạy của chủ tịch Hồ Chí Minh: Đồng bào Kinh hay Tày, Mường, Dao, Gia - rai, hay Ê Đê, Xơ Đăng hay Ba Na và các dân tộ anh em khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau.- Lắng nghe |

***Thứ sáu, ngày 25 tháng 12 năm 2020***

**CHÍNH TẢ:** **VỀ QUÊ NGOẠI**

## I. Mục tiêu:

- Nhớ viết chính xác đoạn từ: Em về quê ngoại nghỉ hè.......Vầng trăng như lá thuyền trôi êm đềm trong bài thơ: “ Về quê ngoại”.

- Làm đúng các bài tập chính tả: Phân biệt ch / tr hoặc thanh hỏi / thanh ngã.

 Trình bày đúng, đẹp thể thơ lục bát. Viết và trình bày sạch sẽ.

- Ngồi đúng tư thế khi viết.

## II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng chép bài tập 2a.

## III. Các hoạt động dạy học:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Kiểm tra bài cũ:**- Gọi HS lên bảng đọc và yêu cầu HS viết các từ cần chú ý phân biệt trong tiết chính tả trước.- Nhận xét học sinh**B. Dạy học bài mới:****1. Giới thiệu bài kết hợp ngôn ngữ kí hiệu.****2. Hướng dẫn viết chính tả:****a. Trao đổi về nội dung đoạn thơ**- Giáo viên đọc đoạn văn 1 lượt **Hỏi:** Bạn nhỏ thấy ở quê có những gì lạ ?**b. Hướng dẫn cách trình bày**- Yêu cầu học sinh mở SGK trang 133- Đoạn thơ viết theo thể thơ nào ?- Trình bày thể thơ này như thế nào ?- Trong đoạn thơ những chữ nào được viết hoa ?**c. Hướng dẫn viết từ khó**- Yêu cầu học sinh tìm các từ khó, dễ lẫn khi viết chính tả.- Yêu cầu học sinh đọc và viết lại các từ vừa tìm được.**d. Nhớ - viết chính tả****e. Soát lỗi****g. Nhận xét bài.****3. Hướng dẫn làm bài tập chính tả:****Bài 2:****a. Gọi học sinh đọc yêu cầu**- Yêu cầu học sinh tự làm\* Nhận xét chốt lời giải đúng**C.Củng cố - dặn dò:**- Nhận xét tiết học,.- Nghe - viết: “Vầng trăng quê hương ” | - Học sinh viết trên bảng lớp và HS dưới lớp viết vào bảng con.+châu chấu, chật chội, trật tự.- Hs đọc thuộc lòng đoạn thơ- Ở quê có: Đầm sen nở ngát hương, gặp trăng, gặp gió bất ngờ, con đường đất rực màu rơm phơi, bóng tre rợp mát, vầng trăng như là thuyền trôi.- 1Hs đọc lại đoạn thơ.- Viết theo thể thơ lục bát- Dòng 6 chữ viết lùi vào 1 ô, dòng 8 chữ viết sát lề.- Những chữ đầu dòng thơ- Lá thuyền trôi, hương trời, ríu rít, con đường- Học sinh lên bảng viết, học sinh dưới lớp viết vào vở nháp- 1 em lên bảng viết,Hs dưới lớp nhớ lại và viết - Soát lại bài- Đổi bài kiểm tra chéo- 1 HS đọc yêu cầu bài - Học sinh lên bảng, học sinh dưới lớp làm vào vở nháp.- Đọc lời giải và làm bài vào vởCông cha như núi Thái SơnNghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.Một lòng thờ mẹ kính chaCho tròn chữ hiếu mới là đạo con.- Lắng nghe |

***Thứ năm ngày 25 tháng 12 năm 2019***

**Toán: TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC ( TT )**

**I. Mục tiêu**:

 - Biết cách tính giá trị của biểu thức có phép tính cộng, trừ, nhân, chia.

 - Áp dụng tính giá trị của biểu thức để nhận xét giá trị đúng, sai của biểu thức.Làm bài 1,2,3.bài 4 thực hiện vào tiết tăng cường.

 - Giáo dục HS cách trình bày bài rõ ràng, sạch sẽ.

**II. Đồ dùng dạy học:** Bảng phụ,bảng con, vở, bảng braille.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV**  | **Hoạt động của HS**  |
| **1. KTBcũ**: Tính giá trị của biểu thức.36 + 4 - 9 7 x 6 : 2-Nhận xét ..**2. Dạy bài mới:****a. GT bài kết hợp ngôn ngữ kí hiệu****:** GT và ghi bảng “Tính giá trị của biểu thức (TT)”**b. HDẫn bài**:**\*Nêu quy tắt tính giá trị của các biểu thức:** GT và ghi bảng: 60 + 35 : 5+Biểu thức trên có những dấu phép tính nào ?+Gọi HS nêu cách tính:-GV kết luận.-Viết tiếp biểu thức: 86 -10 x 4 -Cho HS nêu các dấu phép tính. -Học sinh nêu cách làm.-GV kết luận.. **c. Thực hành:****Bài 1.** Tính giá trị của biểu thức.-GVgiúp HS tính giá trị biểu thức đầu a) 253 + 10 x 4 b) 500 + 6 x 7 41 x 5 – 100 ; 30 x 8 + 50 93 – 48 : 8 69 + 20 x 4- Nhận xét**Bài 2.** Điền Đ hay S vào chỗ trống:a)37–5x5= 12 b)13x3 -2= 13180:6 +30= 60 180+30:6 =3530+60x2 =150 30+60x2= 180282-100:2=91 282-100:2= 232-GV phổ biến luật chơi.-Nhận xét và tuyên dương.**Bài 3:**Mẹ hái được 60 quả táo,chị hái được 35 quả táo.Số táo của cả mẹ và chị được xếp vào 5 hộp.Mỗi hộp có bao nhiêu quả ?-HDHS phân tích đề và giải bài .-Chấm một số bài và nhận xét.**3. Củng cố - Dặn dò**: - Nhận xét tiết học. - Về học bài và xembài sau:Luyện tập |  -2 HS lên bảng tính, cả lớp làm bảng con. Hs đọc đề bài.-HS chú ý.-Cộng và chia.-Ta thực hiện phép chia trước rồi thực hiện phép cộng. -HS nhắc lại quy tắt.-HS chú ý.- Trừ và nhân-Ta thực hiện nhân trước rồi trừ . -Đọc quy tắc trên bảng cho thuộc.-1HS nêu yêu cầu đề bài.-5em lên bảng,lớp làm bảng con-1HS nêu yêu cầu của bài.-Chia lớp 2đội, mỗi đội 2em lên tham gia chơi.-HS tiến hành chơi.-1 học sinh đọc đề bài:-1HS lên bảng, lớp giải vào vở\*Số táo mẹ và chị hái được là 60 + 35 = 95 (quả)Số quả táo mỗi hộp có là:95 : 5 = 19 (quả)Đáp số: 19 quả |

#### Thứ sáu ngày 25 tháng 12 năm 2020

**TOÁN: LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu:**

- Giúp học sinh củng cố về tính giá trị của biểu thức có dạng:Chỉ có các phép tính cộng, trừ**;** chỉ có các phép tính nhân, chia; có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia

- Thực hiện thành thạo các phép tính.

- Cẩn thận khi làm bài.

## II. Các hoạt động dạy học:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| A. Kiểm tra bài cũ:- Kiểm tra bài tập đã giao về nhà của T.79- Nhận xét, chữa bài .**B. Dạy học bài mới:****2.1 Giới thiệu bài kết hợp ngôn ngữ kí hiệu:** - Nêu mục tiêu giờ học và ghi bài lên bảng**2.2 Hướng dẫn luyện tập:****Bài 1:**- Khi thực hiện tính giá trị của mỗi biểu thức, em cần đọc kĩ biểu thức để xem biểu thức có những dấu tính nào và phải áp dụng quy tắc nào để tính cho đúng.- Yêu cầu học sinh nhắc lại cách tính của hai biểu thức trong phần a.\* Chữa bài cho học sinh**Bài 2:** Tương tự như bài 1**Bài 3:** - Cho HS tự làm bài, sau đó yêu cầu 2 HS ngồi cạnh đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau.\* Chữa bài**C. Củng cố - dặn dò**:- Nhận xét tiết học **-** Bài sau**:** Tính giá trị của biểu thức **(** TT)  | - Học sinh làm bài trên bảng- Nghe giới thiệu- Học sinh lên bảng làm bài, học sinh cả lớp làm bài vào vở bài tập.a) 125 - 85 + 80 = 40 + 80 = 120 21 x 2 x 4 = 42 x 4 = 168b) 68 + 32 - 10 = 100 - 10 = 90 147 : 7 x 6 = 21 x 6 = 126- Làm bài và kiểm tra bài của bạn- Học sinh tự làm bài- Lắng nghe |

**TẬP LÀM VĂN: NÓI VỀ THÀNH THỊ - NÔNG THÔN**

**I. Mục tiêu:**

- Bước đầu biết kể về nông thôn và thành thị dựa theo gợi ý.

- Nói thành câu, dùng từ đúng.

- HS thấy được những vẻ đẹp của làng quê của mình.

# II. Đồ dùng dạy học:

 - Nội dung bài tập 2 viết sẵn trên bảng.

# III. Các hoạt động dạy học ;

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Kiểm tra bài cũ:**- Gọi 2 HS đọc đoạn văn kể về tổ em.- Nhận xét, tuyên dương học sinh**B. Dạy học bài mới:****1. Giới thiệu bài kết hợp ngôn ngữ kí hiệu cho hs khiếm thính hiểu:** Trong giờ tập làm văn này các em sẽ dựa và gợi ý kể lại những điều em biết về thành thị hoặc nông thôn.**2. Kể về thành thị hoặc nông thôn**- Yêu cầu học sinh đọc đề bài, sau đó gọi học sinh khác đọc gợi ý- Yêu cầu học sinh suy nghĩ và lựa chọn đề tài viết về nông thôn hoặc thành thị- Gọi 1 học sinh khá dựa theo gợi ý kể mẫu trước lớp- Yêu cầu học sinh kể theo cặp- Gọi 5 HS kể trước lớp, theo dõi và nhận xét học sinh**C. Củng cố - dặn dò:**\* Nhận xét tiết học**\*** Dặn**:** HS viết lại những điều em biết về thành thị hoặc nông thôn thành một đoạn văn ngắn.\* Bài sau**:** Viết về thành thị - nông thôn | - 2 HS lên bảng thực hiện yêu cầu, cả lớp theo dõi và nhận xét.- HS lắng nghe- 2 học sinh đọc bài theo yêu cầu- Đọc thầm gợi ý và nêu đề tài mình chọn.- 1 HS kể, cả lớp theo dõi và nhận xét.- Kể cho bạn bên cạnh nghe những điều em biết về thành thị hoặc nông thôn.- Lắng nghe |

**SINH HOẠT LỚP TUẦN 16**

**I.Mục tiêu:**

- Kiểm điểm, đánh giá lại các hoạt động trong tuần.

- Triển khai kế hoạch tuần 17.

- Sinh hoạt theo chủ điểm.

**II.Nội dung sinh hoạt:**

**1.Trò chơi khởi động:**

- GV cho HS chơi trò chơi HS thích

- 1 HS điều khiển trò chơi. Cả lớp cùng thực hiện

- GV nhận xét.

**2.Nhận xét, đánh giá tuần 16:**

- Lớp trưởng nêu ưu khuyết điểm của lớp mình

\* GV tổng kết, đánh giá từng mặt:

**3.Triển khai công tác tuần 17:** (GV triển khai xong, cho HS nhắc lại)

- Tiếp tục duy trì nề nếp lớp.

- Trực nhật lớp theo phân công.

- Kèm cặp, giúp đỡ HS yếu.

- Tổ trưởng kiểm tra bảng cửu chương các tổ viên trong tổ.

- Vệ sinh cá nhân sạch sẽ, trang phục đúng quy định.

- Nhắc nhở HS hoàn thành các khoản thu.

- Phân công trực lớp và tưới cây xanh.

**4.Sinh hoạt theo chủ điểm:**

- GV tổ chức cho HS hát bài Quốc ca.

**5.Nhận xét, dặn dò:**

- GV nhận xét tiết sinh hoạt.

**Toán : LUYỆN TẬP**

**I.Mục tiêu:**

- Củng cố về kĩ năng thực hiện tính nhân chia số có ba chữ số với số có một chữ số

- Giải toán có hai phép tính có liên quan đến tìm một trong các phần bằng nhau của một số

- Gấp, giảm một số đi nhiều lần , thêm, bớt một số đơn vị

**II. Đồ dùng dạy học**

-HS : vở bài tập toán

**III.Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Giới thiệu bài**-Ghi đề bài**2.Hướng dẫn HS làm bài tập****\*Bài 1** :-Gọi 1 HS đọc yêu cầu-GV hỏi để HS nhắc lại cách tìm thừa số chưa biết trong phép nhân khi biết các thành phần còn lại-Yêu cầu HS tự làm bài-Nhận xét, chữa bài**\*Bài 3** : Gọi 1 HS đọc đề bài-Hướng dẫn HS làm bài theo 2 bước giải-Bước 1: Tìm số bao gạo nếp (18 : 9 = 2 )-Bước 2: Tìm số bao gạo có tất cả (18 + 2 = 20 ) Đáp số : 20 bao-Yêu cầu HS làm bài, nhận xét, chữa bài**+Bài 4:** -Yêu cầu HS đọc cột đầu tiên trong bảng+Muốn thêm 3 đơn vị vào 1 số, ta làm thế nào ?+Muốn gấp một số lên nhiều lần, ta làm thế nào ?+Muốn bớt đi 3 đơn vị của một số, ta làm thế nào ?+Muốn giảm một số đi 3 lần, ta làm thế nào ?-Yêu cầu HS làm bài-Nhận xét, chữa bài**3.Củng cố, dặn dò**-Nhận xét tiết học-Dặn dò HS | -Nghe-Mở vở bài tập toán trang 84-85-Đọc yêu cầu-Nhắc lại cách tìm thưa số chưa biết- HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập-2 HS ngồi cạnh nhau, dổi vở kiểm tra kết quả-2 HS làm bài trên bảng, lớp làm bài tập vào vở-Nhận xét bài của bạn, sửa bài của mình-Đọc đề-Nêu 2 bước giải-1 HS làm bài lên bảng-Lớp làm vào vở bài tập-Nhận xét bài làm của bạn- HS trả lời-2 HS làm bài tên bảng, lớp làm bài vào vở bài tập-Nhận xét, chữa bài |

**THỦ CÔNG: CẮT, DÁN CHỮ E**

***I. Mục tiêu:***

- Học sinh biết cách kẻ, cắt, dán chữ

- Kẻ, cắt, dán đựơc chữ E đúng quy trình kỹ thuật

***II. Đồ dùng dạy học:***

- Mẫu chữ E cắt dán và mẫu chữ E cắt từ giấy màu kích thước đủ lớn để rời, chưa dán.

- Tranh quy trình kẻ, cắt, dán chữ E

- Giấy thủ công, thước, chì, kéo, hồ

***III. Các hoạt động dạy học:***

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của giáo viên** |  **Hoạt động của học sinh** |
| **A/ Kiểm tra bài cũ:** Giáo viên kiểm tra dụng cụ học tập của học sinh.\* Giáo viên nhận xét chuẩn bị của học sinh **B/ Bài mới:****1. Giới thiệu bài:** **\* Hoạt động 1:** quan sát và nhận xét.- Giáo viên dán mẫu chữ E đã cắt dán trên giấy, treo trên bảng.- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát nhận xét.- Chiều cao mấy ô?- Nét chữ, rộng mấy ô?- Chữ E có nữa trên và nữa dưới như thế nào? - Nếu gấp đôi chữ E theo chiều ngang thì nữa nữa trên và nữa dưới như thế nào? **\* Hoạt động 2:** Giáo viên HD mẫu**\* Bước 1:** Kẻ chữ E- Lật mặt trái của giấy màu. Kẻ, cắt 1 hình chữ nhật có chiều dài 5 ô, rộng 2 ô rưỡi trên mặt trái tờ giấy thủ công. (Giáo viên treo tranh quy trình để hướng dẫn)- Chấm các điểm đánh dấu hình chữ E vào hình chữ nhật. Sau đó kẻ chữ E theo điểm đánh dấu trên tranh.**\* Bước 2:** Hướng dẫn cắt chữ E**\* Bước 3:** Hướng dẫn dán chữ E- Thực hiện tương tự như dán chữ V**\* Hoạt động 3:** - HS thực hành cắt dán chữ E **3. Củng cố - dặn dò:**\* Nhận xét tiết học**\* Bài sau:** Thực hành cắt, dán, chữ **“Vui vẻ”** | - Học sinh để dụng cụ: Thước, chì, kéo, hồ, giấy thủ công trước mắt.- 1 em đọc lại đề bài- Học sinh quan sát và nhận xét- Chiều cao của chữ E đều cao 5 ô- Nét chữ rộng 2 ô rưỡi- Chữ E có nữa trên và nữa dưới giống nhau.- Khi gấp đôi chữ E theo chiều ngang ta thấy nữa trên và nữa dưới của chữ trùng khít nhau.- Học sinh quan sát, làm nháp theo- Học sinh chấm điểm theo tranh- Học sinh theo dõi- Học sinh thực hành |